

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA
TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒

Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy sản

Chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ngô Văn Mạnh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/10/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 127 Lý Thái Tổ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 127 Lý Thái Tổ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại di động: 0914252987;

E-mail: manhnv@ntu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2003 đến năm 2004: Giảng viên tập sự, Bộ môn Kỹ thuật Nuôi trồng Hải sản, Khoa Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Từ năm 2004 đến năm 2012: Giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật Nuôi trồng Hải sản, Khoa Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Từ năm 2012 đến năm 2015: Giảng viên, Bộ môn Nuôi thủy sản Nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Từ năm 2015 đến năm 2017: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Nuôi thủy sản Nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Từ năm 2017 đến nay: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản, Viện Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản, Viện Nuôi trồng Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nha Trang.
- Địa chỉ cơ quan: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại cơ quan: 0258 3831149
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm
- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 03 năm 2002; số văn bằng: 309017; ngành: Nông – Lâm – Ngư nghiệp, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.
 - Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 5 năm 2008; số văn bằng: 045511; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: không; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nha Trang, Việt Nam.
 - Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 12 năm 2015; số văn bằng: 005166; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: không; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Nha Trang, Việt Nam.
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nha Trang.
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản.
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- (1) Nghiên cứu sản xuất giống và nuôi cá biển.
 - (2) Nghiên cứu phát triển nuôi các đối tượng thủy sản khác.
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn **07** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
 - Đã hoàn thành **04** đề tài/dự án các cấp: 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 02 đề tài cấp Tỉnh và 01 dự án SXTN cấp Nhà nước;

- Đã công bố **45** bài báo KH, trong đó **17** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp **01** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **01**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Loại	Cấp khen	Quyết định	Nội dung khen
1	Giấy khen	Ban tổ chức Hội thi Sáng tạo Khoa học – Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 44/QĐ-HTST; 05/09/2017	Đạt giải Ba Giải thưởng Hội thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ VII (2016-2017)
2	Bằng khen	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 5044/QĐ-BGDĐT; 21/11/2018	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018
3	Bằng khen	UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 3755/QĐ-UBND 06/12/2018.	Đạt danh hiệu "Tri thức tiêu biểu tỉnh Khánh Hòa năm 2018"
4	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 2160/QĐ-UBND 27/06/2019.	Đã có thành tích xuất sắc nhân kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống của Trường Đại học Nha Trang
5	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 1409/QĐ-UBND 17/06/2020.	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm, giai đoạn 2016-2020
6	Bằng khen	Công đoàn giáo dục Việt Nam	Quyết định số 220/QĐ-CĐN ngày 18/08/2020.	Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2019-2020
7	Bằng khen	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2680/QĐ-BGDĐT; 18/09/2020	Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục giai đoạn 2016-2020
8	Giấy khen	Trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1207/QĐ-ĐHNT; 02/10/2020	Gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020
9	Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 3645/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2023	Có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Về hoạt động đào tạo: Trong hơn 20 năm công tác tại Trường Đại học Nha Trang, tôi đã nỗ lực phấn đấu học tập, bồi dưỡng trình độ chuyên môn để đáp ứng tiêu chuẩn của nhà giáo và hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản và Bệnh học thủy sản của Nhà trường. Với vai trò là Trưởng Bộ môn (từ 2015 đến nay), tôi đã quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo của Viện và Nhà trường, đảm bảo đủ định mức cho các cán bộ giảng dạy của Bộ môn quản lý. Về đào tạo, tôi đã và đang tham gia giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản cho các bậc đại học, thạc sĩ. Trong quá trình giảng dạy, bài giảng thường xuyên được cập nhật kiến thức mới từ kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất, từ đó truyền cảm hứng học tập và nghiên cứu cho sinh viên. Trong 06 năm gần nhất, tôi đều hoàn thành vượt định mức số giờ giảng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Về phát triển chương trình đào tạo, tôi là Thư ký Tiểu ban liên ngành Khối ngành thủy sản, Thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản trình độ đại học, và trình độ thạc sĩ. Ngoài giảng dạy, tôi đã hướng dẫn chính cho 07 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và nhiều đồ án, chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên đại học.

Về hoạt động khoa học: Trong nghiên cứu khoa học, tôi đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, 02 nhiệm vụ cấp Tỉnh, 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước và tham gia nhiều đề tài, dự án các cấp khác. Bản thân đã xuất bản được 45 bài báo, báo cáo, trong đó có 17 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Tôi cũng là Trưởng nhóm nghiên cứu “Nghiên cứu sản xuất giống và phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, lợ”; thành viên Nhóm nghiên cứu chuyên sâu về “Sinh lý, dinh dưỡng và chọn giống cá biển, tôm he”, thông qua hoạt động của nhóm đã thực hiện thành công nhiều đề tài về sản xuất giống, nuôi các đối tượng cá biển, động vật thân mềm và đăng nhiều bài báo, báo cáo khoa học. Ngoài ra, tôi cũng tham gia đào tạo tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống cá biển cho một số địa phương ven biển.

Bên cạnh công tác chuyên môn, tôi cũng luôn rèn luyện đạo đức, tác phong nhà giáo, tham gia vào các hoạt động cộng đồng, góp phần phục vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Dựa trên các kết quả đạt được trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, tôi tự đánh giá đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ của giảng viên tại Trường Đại học Nha Trang.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 21 năm.

Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			2	3	135	-	135/283/216
2	2020-2021			-	2	135	-	135/190,75/84
3	2021-2022			2	3	90	-	90/226,5/126
3 năm học cuối								
4	2022-2023			2	1	90	15	105/223/176
5	2023-2024			-	5	71,5	31	102,5/213,9/176
6	2024-2025			-	2	69,5	79	148,5/273,65/176

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước:.... năm....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ... đến...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Mạnh		X	X		4/2017-12/2017	Trường Đại học Nha Trang	28/12/2017. Số hiệu A184843. Sổ

								17488.
2	Nguyễn Thế Dương		X	X		4/2017-11/2018	Trường Đại học Nha Trang	28/03/2019. Số hiệu A215729. Số 012/ThS19
3	Trần Quang Dũng		X	X		12/2017-12/2021	Trường Đại học Nha Trang	30/12/2021. Số hiệu M000787. Số 114/ThS21
4	Phan Nguyệt Thu		X	X		2/2018-8/2018	Trường Đại học Nha Trang	02/10/2018. Số hiệu A202260. Số 18775
5	Hoàng Tăng Pháp Dũng		X	X		12/2018-9/2019	Trường Đại học Nha Trang	09/10/2019. Số hiệu 000130. Số 286/ThS19
6	Cao Huỳnh Gia Thịnh		X	X		5/2021-8/2022	Trường Đại học Nha Trang	24/10/2022. Số hiệu M000922. Số 043/ThS22
7	Đặng Thị Bích Trâm		X	X		6/2022-1/2023	Trường Đại học Nha Trang	15/5/2023. Số hiệu M001054. Số 002/ThS23

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS					
II	Sau khi được công nhận TS					
1	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Giấy phép xuất bản số 5259-2024/CXBIPH/1-99/NN, ngày 25/12/2024 Quyết định xuất bản số: 037/QĐ-CNNXBNN, ngày 25/12/2024 ISBN: 978-604-60-4048-4	GT	Nông nghiệp 2024	8	CB, trang 56-86, 244-252	QĐ số 2090/QĐ-ĐHNT, ngày 23/12/2024

Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang đến trang (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
I Trước khi được công nhận TS					
1	Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepede, 1801)	CN	KC.06.DA20/11-15, Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước	10/2012-3/2015	Nghiệm thu ngày 03/04/2015. Xếp loại Khá
II Sau khi được công nhận TS					
2	Chuyển giao công nghệ sản xuất giống nhân tạo cá hồng Mỹ (<i>Sciaenops ocellatus</i>) tại Khánh Hòa	CN	Đề tài cấp tỉnh Khánh Hòa	8/2014-8/2016	Nghiệm thu ngày 27/07/2016. Xếp loại Xuất sắc
3	Xây dựng quy trình sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm cá khế vằn (<i>Gnathanodon speciosus</i>)	CN	B2021-TSN-02 Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2021-12/2022, gia hạn đến 6/2023	Nghiệm thu cấp Bộ, ngày 25/3/2024. Xếp loại Đạt
4	Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá sù đất (<i>Protonibea diacanthus</i>) tại Khánh Hòa	CN	Đề tài cấp tỉnh Khánh Hòa	10/2021-10/2023, gia hạn đến tháng 4/2024	Nghiệm thu ngày 17/10/2024. Xếp loại Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn lên sinh trưởng, tỷ lệ sống và hệ số chuyển đổi thức ăn của cá chẽm (<i>Lates calcarifer</i> Bloch, 1790) giống ương trong ruộng nổi.	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252			Số 1, 23-30	2009
2	Ảnh hưởng của tỷ lệ cho ăn lên sinh trưởng, tỷ lệ sống và hệ số tiêu tốn thức ăn của cá chẽm <i>Lates calcarifer</i> (Bloch, 1790) giống ương trong lồng trên biển	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252			Số 4, 33-38	2011
3	Ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin và chế phẩm sinh học vào thức ăn lên sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá chẽm (<i>Lates calcarifer</i> Bloch, 1790) giống ương trong lồng trên biển	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252			Số 1, 30-35	2012
4	Ảnh hưởng của mật độ ương lên sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá chim vây vàng giai đoạn giống	3	X	Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ Việt Nam/ISSN 1859-4794			Số 15, 55-59	2013
5	Ảnh hưởng của thời gian chiếu sáng và số lần cho ăn trong ngày lên sinh trưởng, tỉ lệ sống của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) ở giai đoạn giống	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252			Số 4, 27-32	2013

6	Morphological deformity and performance of snubnose pompano <i>Trachinotus blochii</i> larvae fed with enriched livefood	5	X	Meeting the needs through research innovation in biotechnology. International University VNU HCMC, School of Biotechnology. 2014 selected publications, Agriculture Publishing House/ISBN 978-604-60-1977-0			101-108	2014
7	Ảnh hưởng của khẩu phần ăn tới sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng giai đoạn giống	4	X	Bản B của Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ Việt Nam/ ISSN 1859-4794 https://b.vjst.vn/index.php/ban_b/article/view/776			Tập 57, Số 3, 42-46	2015
8	Ảnh hưởng của khẩu phần thức ăn lên sinh trưởng, mức độ phân đàn, hệ số chuyển đổi thức ăn, tỷ lệ sống và năng suất của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepede, 1801) giai đoạn nuôi con giống lớn	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252			Số 2, 56-59	2015
9	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn lên sinh trưởng, mức độ phân đàn, hệ số chuyển đổi thức ăn, tỷ lệ sống và năng suất của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepede, 1801) nuôi thương phẩm	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252			Số 4, 54-61	2015
II Sau khi được công nhận TS								
10	Ảnh hưởng của mật độ ương đến sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá hồng Mỹ (<i>Sciaenops ocellatus</i> Linnaeus, 1766) từ	3	X	Bản B của Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ Việt Nam/ ISSN 1859-4794			Tập 59, Số 10, 32-36	2017

	giai đoạn ấu trùng lên cá giống			https://b.vjst.vn/index.php/ban_b/article/view/244				
11	Ảnh hưởng của thức ăn và độ mặn lên sinh trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng ốc nháy <i>Strombus canarium</i> (Linnaeus, 1758) tại Khánh Hòa	3		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ/ISSN 1859-2333/e-ISSN 2815-5599 https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2018.006			Tập 55, Số CĐ Thủy sản, 45-50	2018
12	Ảnh hưởng của mật độ ương lên sinh trưởng, tỷ lệ sống và năng suất cá chẽm <i>Lates calcarifer</i> (Bloch, 1790) giống ương bằng mương nổi đặt trong ao	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2019.350			Số 2, 42-53	2019
13	Sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và thành phần sinh hóa của cá chim (<i>Trachinotus blochii</i>) cho ăn thức ăn có bổ sung protein thủy phân cá ngừ	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.03.2020.310			Số 3, 52-59	2020
14	Ảnh hưởng thời gian kích thích hormone lên đặc tính sinh hóa của dịch tương cá chẽm mõm nhọn <i>Psammoderus waigiensis</i>	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.04.2020.298			Số 4, 58-66	2020
15	Light colour affect the survival rate, growth performance, cortisol level, body composition, and digestive enzymes activities of different Snubnose pompano (<i>Trachinotus blochii</i> (Lac'ep'ede, 1801) larval stages	5		Aquaculture Reports/ISSN: 2352-5134 https://doi.org/10.1016/j.aqrep.2021.100804 4	SCIE, Q1	17	Số 21, 100804	2021

16	Hiện trạng nghề nuôi cá bóp (<i>Rachycentron canadum</i> Linnaeus, 1766) thương phẩm tại Kiên Giang	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2021.274			Số 2, 26-33	2021
17	Effect of tank colour on growth, survival, stress level, digestive enzymatic activities and body composition of snubnose pompano (<i>Trachinotus blochii</i> Lacépède) larvae	6		Aquaculture Research/ ISSN: 1365-2109 https://doi.org/10.1111/are.15487	SCIE, Q2, IF (2021): 2.184	6	Số 52, tập 12, 6244-6255	2021
18	Thử nghiệm ương giống cá bóp (<i>Rachycentron canadum</i> Linnaeus, 1766) trong bể và ao tại Kiên Lương - Kiên Giang	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2021.280			Số 2, 75-81	2021
19	Effects of dietary tuna viscera hydrolysate supplementation on growth, intestinal mucosal response, and resistance to <i>Streptococcus iniae</i> infection in Pompano (<i>Trachinotus blochii</i>)	6		Aquaculture Nutrition/ ISSN: 1365-2095 https://doi.org/10.1155/2022/3645868	SCIE, Q1, IF (2022): 3.781	14	Số 2022, 3645868	2022
20	Effects of enrichment Artemia with organic selenium and essential fatty acids on growth performance and fatty acid composition of barramundi (<i>Lates calcarifer</i>) larvae	6		Regional Studies in Marine Science/ ISSN: 2352-4855 https://doi.org/10.1016/j.rsma.2022.102595	SCIE, Q2, IF (2022): 2.166	6	Số 55, 102595	2022
21	Growth performance, haematological parameters and proximate composition of rainbow trout <i>Oncorhynchus mykiss</i>	6		Regional Studies in Marine Science/ ISSN: 2352-4855 https://doi.org/10.1016/j.rsma.2022.102643	SCIE, Q2, IF (2022): 2.166	3	Số 55, 102643	2022

	fed varying dietary levels of protein hydrolysate from heads of <i>Penaeus monodon</i> shrimp processing industry.							
22	Acute death in farmed marine fishes caused by sea anemone (<i>Bunodeopsis</i> sp.) in Central Vietnam	8		Journal of Fish Diseases/ ISSN:1365-2761 https://doi.org/10.1111/1/jfd.13701	SCIE, Q2, IF (2022): 2.207	2	Số 45, 1799-1803	2022
23	Ảnh hưởng của độ mặn lên kết quả ương cá khế vằn (<i>Gnathanodon speciosus</i> Forsskal, 1775) giai đoạn giống	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2023.52			Số 2, 38-46	2023
24	Tank colours do not change the effects of extreme temperatures on the productive parameters, but skeletal deformities of golden trevally	4	X	Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757 https://doi.org/10.47853/FAS.2023.e39	Scopus, Q3, IF (2023): 0,9	6	Số 26, tập 8, 461-469	2023
25	Ảnh hưởng của tần suất cho ăn lên kết quả ương cá khế vằn (<i>Gnathanodon speciosus</i> Forsskal, 1775) giai đoạn giống	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2023.56			Số 2, 76-85	2023
26	Determining the optimal range of vitamin C for early red drum (<i>Sciaenops ocellatus</i>) juveniles	4		Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757 https://doi.org/10.47853/FAS.2023.e45	Scopus, Q3, IF (2023): 0,9	1	Số 26, tập 9, 525-534	2023
27	Ảnh hưởng của tần suất cho ăn lên kết quả ương cá sù đất (<i>Protonibea diacanthus</i> Lacepède, 1802) giai đoạn giống	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2024.476			Số 2, 167-176	2024
28	Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252			Số 2, 195-203	2024

	cá sù đất (<i>Protonibea diacanthus</i> Lacepède, 1802) giai đoạn giống			https://doi.org/10.53818/jfst.02.2024.477				
29	Growth, survival and food utilization efficiency of longfin batfish (<i>Platax teira</i> Forsskål, 1775) larvae reared under different salinity levels	4	X	Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgeh ISSN: 0792-156X https://doi.org/10.46989/001c.92092	ISI, Q3, IF (2023): 0,59	1	Số 76, tập 1, 1-8	2024
30	Ảnh hưởng của liều lượng hormone lên hiệu quả sinh sản của cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i>) tại Khánh Hòa	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.03.2024.472			Số 3, 14-21	2024
31	Ảnh hưởng của độ mặn đến sinh trưởng, tỷ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775) giai đoạn giống	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.03.2024.500			Số 3, 70-79	2024
32	Influences of supplemental methods of commercial probiotics on the growth and digestive enzyme activities of spotted scat <i>Scatophagus argus</i> fingerlings	6		Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757 https://doi.org/10.47853/FAS.2024.e55	Scopus, Q3, IF (2023): 0,9		Số 27, tập 9, 580-587	2024
33	Tank color affects growth, feed utilization efficiency, coloration, and biochemical composition of giant trevally (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskål, 1775)	5	X	Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757 https://doi.org/10.47853/FAS.2024.e56	Scopus, Q3, IF (2023): 0,9		Số 27, tập 9, 588-599	2024
34	Influence of floral-derived natural pigments on the	6		Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757	Scopus, Q3, IF		Số 27, tập 9,	2024

	growth, coloration, and biochemical profiles of golden trevally (<i>Gnathanodon Speciosus</i> Forskal, 1775)			https://doi.org/10.47853/FAS.2024.e59	(2023): 0,9		622-633	
35	Using Ivermectin for treating channel catfish (<i>Ictalurus punctatus</i>) infected with <i>Dollfustrema bagarii</i>	8		Fisheries and Aquatic Sciences/ISSN: 2234-1757 https://doi.org/10.47853/FAS.2024.e58	Scopus, Q3, IF (2023): 0,9	1	Số 27, tập 9, 614-621	2024
36	Tỷ lệ dị hình ở một số loài cá biển trong các trại sản xuất giống tại Khánh Hòa	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.04.2024.502			Số 4, 139-153	2024
37	Ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng và tỷ lệ sống cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i> Forsskal, 1775) nuôi lồng	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.04.2024.528			Số 4, 167-177	2024
38	Effects of environmental factors on the activity of chilled storage and cryopreservation of striped Jewfish <i>Stereolepis deoderleini</i> sperm			Regional Studies in Marine Science/ISSN: 2352-4855 https://doi.org/10.1016/j.rsma.2024.104006	ISI, Q2 IF (2023): 2,1	2	Tập 81, 104006	2025
39	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng đến tăng trưởng, tỷ lệ sống và khả năng chịu sốc của cá bẹ vầu (<i>Caranx ignobilis</i> , Forsskal 1775) giai đoạn giống	3		Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp/ISSN: 0866-7675 https://doi.org/10.52714/dthu.14.2.2025.1432			Tập 14, Số 2, 13-21	2025
40	Impact of Dietary Vitamin E Supplementation on the Reproductive Performance and Egg and Larval Quality of Snubnose Pompano	2	X	International Journal of Fisheries and Aquatic Studies/ISSN: 2347-5129 https://www.doi.org/			Tập 13, Số 3, 27-32	2025

	(<i>Trachinotus blochii</i>) Broodstock			10.22271/fish.2025.v 13.i3a.3073				
41	Monthly variations in reproductive indices, egg quality, and larval survival of broodstock snubnose pompano (<i>Trachinotus blochii</i>)	2	X	Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgeh ISSN: 0792-156X https://doi.org/10.46989/001c.138099	ISI, Q3 (2023) IF: 0,59		Tập 77, Số 2, 153-163	2025
42	Effects of astaxanthin supplementation duration on growth and pigmentation in cultured false clownfish <i>Amphiprion ocellaris</i> Cuvier, 1830	4	X	AACL Bioflux/ ISSN 1844-9166	Scopus, Q4		Tập 18, Số 3, 1325-1335	2025
43	Ảnh hưởng của nhiệt độ và ammonia lên chất lượng ấu trùng cá hồng Mỹ (<i>Sciaenops ocellatus</i>) trong điều kiện biển đôi khí hậu	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.01.2025.531			Số 1, 108-114	2025
44	Màu sắc bề nuôi – yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sinh trưởng, tỷ lệ sống và màu sắc của cá khoang cổ đỏ (<i>Amphiprion frenatus</i>)	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản/ ISSN 1859-2252 https://doi.org/10.53818/jfst.02.2025.561			Số 2, 191-199	2025
45	Ảnh hưởng của nhiệt độ và Ammonia đến tăng trưởng, tỷ lệ sống, tần số hô hấp và tỷ lệ dị hình của cá hồng Mỹ (<i>Sciaenops ocellatus</i>) giai đoạn giống	2	X	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ISSN: 1859-4581 https://doi.org/10.71254/nh098h66			Số 8, 72-82	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 06 – thuộc số thứ tự [24], [29], [33], [40], [41], [42].

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, số 3886: Hệ thống quan trắc môi trường nước ao nuôi tôm và cho tôm ăn tự động theo cảm biến âm thanh bắt mồi của tôm	Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp theo Quyết định số 142406, ngày 05/12/2024	8
2				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: **01**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Tiểu ban liên ngành đào tạo trình độ đại học khối ngành thủy sản	Tham gia	QĐ số 1412/QĐ-ĐHNT, 04/11/2019	Trường Đại học Nha Trang	
2	Kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển CTĐT, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm CTĐT trình độ đại học	Tham gia	QĐ số 1222/QĐ-ĐHNT, 02/10/2020	Trường Đại học Nha Trang	
3	Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Nuôi trồng thủy sản	Chủ trì	QĐ số 1367/QĐ-ĐHNT, 20/09/2023	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 931/QĐ-ĐHNT,

					05/07/2024 (Kỹ sư) QĐ số 932/QĐ- ĐHNT, 05/07/2024 (Cử nhân)
4	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ	Tham gia	QĐ số 116/QĐ-ĐHNT, 01/02/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 569/QĐ-ĐHNT, 16/05/2022
5	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Nuôi trồng thủy sản (đào tạo bằng tiếng Anh)	Chủ trì	QĐ số 626/QĐ-ĐHNT, 06/05/2025 (cập nhật)	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 627/QĐ-ĐHNT, 06/05/2025 (cập nhật)
6	Nhóm nghiên cứu “Nghiên cứu sản xuất giống và phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, lợ”	Chủ trì	Quyết định số 395/QĐ-ĐHNT, 11/04/2018	Trường Đại học Nha Trang	
7	Nhóm nghiên cứu “Thủy sinh học ứng dụng”	Tham gia	Quyết định số 542/QĐ-ĐHNT, 02/05/2018	Trường Đại học Nha Trang	
8	Nhóm nghiên cứu chuyên sâu về sinh lý, dinh dưỡng và chọn giống cá biển, tôm he	Tham gia	QĐ số 38/QĐ-ĐHNT, 05/01/2024	Trường Đại học Nha Trang	

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: **Không**

- a) Thời gian được bổ nhiệm PGS
- b) Hoạt động đào tạo
- c) Nghiên cứu khoa học
- d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Ngô Văn Mạnh